

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: TIẾNG ANH CƠ BẢN 3
K11_KỲ 2_NĂM HỌC 2024-2025

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
1	1,001E+09	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	000001			#####	26
2	1,101E+09	Bùi Minh	Chiến	28/10/1997	QT11C	000002	157	8,6	65	26
3	1,101E+09	Phạm Ngọc	Cường	09/07/1985	QT11C	000003	234	8,2	62	26
4	1,101E+09	Nguyễn Sỹ	Đạt	11/06/2004	QT11C	000004	309	7,8	59	26
5	1,101E+09	Đỗ Thế	Đức	29/04/2003	QT11C	000005	418	8	60	26
6	1,101E+09	Trần Minh	Đức	17/10/2001	QT11C	000006	561	8,2	62	26
7	1,101E+09	Nguyễn Hữu	Lương	10/08/2000	QT11C	000007	157	8,6	65	26
8	1,101E+09	Lê Thị Thu	Phương	23/02/2001	QT11C	000008	234	8,2	62	26
9	1,101E+09	Đàm Anh	Thu	02/05/2004	QT11C	000009	309	7,8	59	26
10	1,101E+09	Nguyễn Anh	Tú	31/07/1998	QT11C	000010			#####	26
11	1,101E+09	Nguyễn Thị Phương	Uyên	05/11/2005	QT11C	000011	418	7,6	57	26
12	1,101E+09	Nguyễn Thị	Yến	11/02/2005	QT11C	000012	561	8,2	62	26
13	1,102E+09	Trịnh Văn	Hào	03/02/1995	QT11C_VLVH	000013	157	8,6	65	26
14	1,102E+09	Nguyễn Hữu	Lĩnh	03/12/1989	QT11C_VLVH	000014	234	8,2	62	26
15	1,102E+09	Lưu Đình	Tú	10/11/1994	QT11C_VLVH	000015	309	8,2	62	26
16	1,102E+09	Trịnh Hữu	Tú	01/01/1992	QT11C_VLVH	000016	418	8,2	62	26

Tổng số bài thi: 14

Hưng Yên. Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Cán bộ chấm 1

Cán bộ chấm 2

Nguyễn Thị Bích Hương

Đinh Thị Luyện